

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Hà Nội, Tháng 2 năm 2015

Quý vị có thể xem hoặc download toàn văn Báo cáo tài chính này tại website: ytevietnhat.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hường	Chủ tịch
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên
Ông Hosono Kyohei	Thành viên
Ông Tashiro masaaki	Thành viên (Bắt đầu từ ngày 24 tháng 06 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Hường	Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo

rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn [(100)=110+120+130+140+150]	100		1,709,371,747,547	1,043,295,839,773
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		471,642,787,935	39,474,490,479
1. Tiền	111	V.01	471,642,787,935	39,474,490,479
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14,600,000,000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		14,600,000,000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		908,385,639,512	565,171,700,597
1. Phải thu khách hàng	131		635,923,631,297	367,882,830,398
2. Trả trước cho người bán	132		273,199,656,731	198,677,330,887
2. Các khoản phải thu khác	135		650,812,172	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1,388,460,688)	(1,388,460,688)
IV. Hàng tồn kho	140		291,494,531,163	416,781,693,233
1. Hàng tồn kho	141	V.04	291,494,531,163	416,781,693,233
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23,248,788,937	21,867,955,464
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		735,723,646	1,361,909,721
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			6,647,801,284
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		22,513,065,291	13,858,244,459
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		499,224,356,847	505,400,261,187
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7,433,325,627	7,163,209,374
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	V.08	7,433,325,627	7,163,209,374
II. Tài sản cố định	220		398,823,159,924	408,270,692,313
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	307,076,079,183	339,653,775,751
- Nguyên giá	222		621,823,807,650	626,979,522,594
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(314,747,728,467)	(287,325,746,843)
2. Tài sản cố định cho thuê tài chính	224	V.09	31,835,742,908	
- Nguyên giá	225		32,933,527,148	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1,097,784,240)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	100,224,464	
- Nguyên giá	228		120,680,480	17,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20,456,016)	(17,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		59,811,113,369	68,616,916,562
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		86,131,860,000	86,131,860,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	72,853,000,000	72,853,000,000
8. Đầu tư dài hạn khác	258		13,278,860,000	13,278,860,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,836,011,296	3,834,499,500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,746,999,187	3,223,871,488
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	568,820,555	
3. Tài sản dài hạn khác	268		3,520,191,554	610,628,012
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		2,208,596,104,394	1,548,696,100,960

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		803,165,898,779	599,177,531,510
I. Nợ ngắn hạn	310		633,376,424,491	533,489,503,760
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	444,374,312,636	368,450,048,445
2. Phải trả người bán	312		29,295,006,483	60,709,690,397
3. Người mua trả tiền trước	313		17,340,885,374	5,977,886,300
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	104,030,366,483	70,025,669,080
5. Phải trả người lao động	315		1,981,335,103	1,655,167,852
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1,377,156,993	967,611,005
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	34,977,361,419	25,703,430,681
II. Nợ dài hạn	330		169,789,474,288	65,688,027,750
1. Phải trả dài hạn người bán	331		84,396,918,300	32,565,027,750
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	85,392,555,988	33,123,000,000
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		1,405,430,205,615	949,518,569,450
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1,405,430,205,615	949,518,569,450
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		844,426,330,000	568,185,300,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		262,120,638,850	152,689,048,850
3. Vốn khác	413			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19,211,235,252	17,127,227,933
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		279,672,001,513	211,516,992,667
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300 + 400)	440		2,208,596,104,394	1,548,696,100,960



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2015

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Duyên

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014	Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Tổng doanh thu	01	VI.25	271,562,088,610	235,105,200,376	863,168,914,277	551,120,749,571
3	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	166,606,933,849	172,858,425,569	594,417,463,584	388,556,966,333
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		104,955,154,761	62,246,774,807	268,751,450,693	162,563,783,238
5	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	185,521,112	962,749,882	286,864,541	2,412,802,398
6	Chi phí tài chính	22	VI.28	12,963,495,655	11,037,009,851	44,646,589,316	50,306,196,198
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11,377,941,491	10,399,976,430	42,923,598,743	48,364,504,509
7	Chi phí bán hàng	24		1,981,819,640	973,354,034	4,789,476,083	3,471,594,205
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,441,055,841	8,185,899,530	33,858,623,935	30,992,905,956
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24+25))	30		79,754,304,737	43,013,261,274	185,743,625,900	80,205,889,277
10	Thu nhập khác	31		5,483,700,706	632,249,664	80,706,464,014	3,095,780,657
11	Chi phí khác	32		3,187,341,438	17,519,972,784	64,958,840,279	24,825,974,024
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2,296,359,268	(16,887,723,120)	15,747,623,735	(21,730,193,367)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		82,050,664,005	26,125,538,154	201,491,249,635	58,475,695,910
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	18,099,511,754	10,968,788,364	46,596,139,025	18,732,597,223
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				(568,820,555)	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60	60		63,951,152,251	15,156,749,790	155,463,931,165	39,743,098,687
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp kết quả kinh doanh giữa hai kỳ báo vào biến động từ 10% trở lên:

Doanh thu Q4/2014 tăng 15.5% so với cùng kỳ năm trước do một số dự án của năm trước ngừng năm nay tiếp tục thực hiện. Đồng thời tiếp tục triển khai các dự án mới của năm nay. Lợi nhuận sau thuế tăng cao 321.9%.



Lê Văn Hương
Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2014

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Duyên
Người lập biểu

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết min	Lũy kế từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014	Lũy kế từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	1. Lợi nhuận trước thuế	01		201,491,249,635	58,475,695,910
2	2. Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao TSCĐ	02		59,057,965,562	61,528,271,250
	- Các khoản dự phòng	03			296,905,635
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1,585,554,164	389,112,373
	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24,208,618,051)	(3,101,429,314)
	- Chi phí lãi vay	06		42,923,598,743	48,364,504,509
3	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		280,849,750,053	165,953,060,363
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(340,692,130,072)	178,979,138,748
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		59,669,922,633	(183,234,387,599)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54,036,268,952	29,777,127,799
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,103,058,376	(3,372,026,384)
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(42,514,052,755)	(47,396,893,504)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(27,478,292,379)	(52,047,000,000)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,363,754,764)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17,389,229,956)	88,659,019,423
II	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36,586,610,329)	(178,973,406,540)
2	2. Tiền thu từ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		71,176,120,996	809,523,810
3	3. Tiền chi đầu tư	23		(19,128,000,000)	(22,000,000,000)
5	5. Tiền thu hồi đầu tư	25		4,528,000,000	22,000,000,000
7	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		262,598,636	2,291,905,504
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20,252,109,303	(175,871,977,226)
III	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		328,856,970,000	148,117,502,850
3	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		534,641,134,800	551,489,303,142
4	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(404,819,965,089)	(584,778,576,388)
5	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,627,349,532)	
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27,744,818,050)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		429,305,972,129	114,828,229,604
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		432,168,851,476	27,615,271,801
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39,474,490,479	11,878,861,197
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(554,020)	(19,642,519)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		471,642,787,935	39,474,490,479

Lê Văn Hương
 Giám đốc
 Ngày 12 tháng 02 năm 2015

Hồ Bích Ngọc
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Duyên
 Người lập biểu

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MẤU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I- THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật (Gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 09 năm 2010. Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 09 năm 2010, Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật thành Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật. Theo đó, toàn bộ tài sản, nguồn vốn của Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật được chuyển sang từ Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật. Vốn điều lệ hiện tính đến thời điểm lập báo cáo của Công ty là 625.000.950.000 đồng.

Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2014 là: 274 người (Tại ngày 31/12/2013 là 263 người)

2- Lĩnh vực kinh doanh:

- Thiết bị y tế

3- Ngành, nghề kinh doanh:

- Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế

- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế

- Cho thuê, khai thác thiết bị y tế

- Sản xuất, lắp ráp, gia công trong nước và xuất khẩu: Linh kiện, thiết bị y tế. Linh kiện, thiết bị điện tử; và

- Phòng khám đa khoa

4. Các đơn vị liên quan:

Tháng 05 năm 2013 Công ty chính thức thành lập thêm một Văn phòng đại diện tại Thủ đô Phnom Pênh, Campuchia.

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty có một trụ sở chính tại Hà Nội, có hai chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh và tại Thủ đô Phnom Pênh, Campuchia và một công ty con như sau:

Công ty TNHH Kyoto Medical Science

Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý bán buôn thiết bị và dụng cụ y tế; Lắp đặt sửa chữa bảo trì thiết bị y tế; Sản xuất lắp ráp thiết bị y tế.

Lợi ích và quyền biểu quyết: 100%

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm : Trước năm 2014 kỳ kế toán của Công ty là bắt đầu từ 01/01 đến hết ngày 31/12. Ngày 19 tháng 12 năm 2013 công ty đã đăng ký với cơ quan thuế để thay đổi niên độ tài chính và tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã nhất trí thông qua thay đổi năm tài chính. Niên độ tài chính mới bắt đầu từ ngày 01/04 đến hết ngày 31/03 hàng năm. Năm tài chính chuyển đổi kéo dài đến hết 31/3/2015.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính này cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2014.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn.

3. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MÁU B 09 -DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Tình trạng quá hạn**

- Từ 6 tháng đến 1 năm
- Từ 1 năm đến 2 năm
- Từ 2 năm đến 3 năm
- Trên 3 năm

Tỷ lệ dự phòng

- 30% giá trị khoản nợ phải thu quá hạn
- 50% giá trị khoản nợ phải thu quá hạn
- 70% giá trị khoản nợ phải thu quá hạn
- 100% giá trị khoản nợ phải thu quá hạn

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định Kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 24/05/2013 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Phương tiện, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Tài sản đi thuê tài chính của Công ty là các máy móc thiết bị y tế và được Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng sáu (06) năm.

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị tài sản cố định vô hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí phát sinh phục vụ hoạt động liên kết với các bệnh viện được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

9. Vốn chủ sở hữu, trích lập quỹ

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính. Việc trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối hằng năm dựa trên tỷ lệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

phần trăm theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể theo quyết định của cổ đông.

10. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

11. Ghi nhận doanh thu, chi phí***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MẪU B 09 -DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với hoạt động liên kết với các bệnh viện, doanh thu được ghi nhận căn cứ vào Biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và bệnh viện.

Chi phí

Chi phí hoạt động phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế phát sinh và ước tính đúng kỳ kế toán.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền mặt	97.308.895.957	10.195.060.759
Tiền gửi ngân hàng	374.333.891.978	29.279.429.720
Cộng	471.642.787.935	39.474.490.479

2. Các khoản phải thu khách hàng

Tên khách hàng	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Bệnh viện Châm cứu K71 TW	6.347.997.500	-
Tổng cục hậu cần Bộ Công An	10.276.000.000	(4.370.400.000)
BQL dự án Nghĩa Đàn	7.980.000.000	6.945.000.000
Các đối tượng khác	622.612.377.797	372.253.230.398
Cộng	635.923.631.297	367.882.830.398

3. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Hàng đang đi đường	4.928.344.100	6.364.538.524
Hàng gửi đi bán	959.633.353	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.070.550	23.063.182

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hàng hóa	285.588.645.250	410.394.091.527
Thành phẩm	13.837.910	
Cộng	291.494.531.163	416.781.693.233

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng hóa với giá trị là 174.267 triệu VNĐ đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng.

04- Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tạm ứng	21.716.368.200	12.497.177.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	735.723.646	1.361.909.721
Các khoản ký quỹ	796.697.091	1.361.067.459
Thuế GTGT còn được khấu trừ		6.647.801.284
Cộng	23.248.788.937	21.867.955.464

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải truyền dẫn VNĐ	Thiết bị dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	1.025.186.364	606.249.854.680	18.932.018.131	772.463.419	626.979.522.594
Tăng trong kỳ	-	349.487.578			349.487.578
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang					
Thanh lý trong kỳ	-	(86.296.860.739)			(86.296.860.739)
Chuyển từ hàng tồn kho	-	80.791.658.217			80.791.658.217
Phân loại lại(*)	-				
Tại ngày 31/12/2014	1.025.186.364	601.094.139.736	18.932.018.131	772.463.419	621.823.807.650
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	340.356.699	273.985.918.295	12.591.607.846	407.864.003	287.325.746.843
Tăng trong kỳ	117.946.980	56.495.557.079	1.270.512.191	72.709.056	57.956.725.306
Thanh lý trong kỳ	-	(30.534.743.682)			(30.534.743.682)
Chuyển sang hàng tồn kho	-				
Phân loại lại(*)	-				
Tại ngày 31/12/2014	458.303.679	299.946.731.692	13.862.120.037	480.573.059	314.747.728.467
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	684.829.665	332.263.936.385	6.340.410.285	364.599.416	339.653.775.751

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 31/12/2014	566.882.685	301.147.408.044	5.096.898.094	291.890.360	307.076.079.183
---------------------	--------------------	------------------------	----------------------	--------------------	------------------------

6. Tài sản thuê tài chính

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014					
Tăng trong kỳ	-	32.933.527.148			32.933.527.148
Tại ngày 31/12/2014		32.933.527.148			32.933.527.148
Hao mòn					
Tại ngày 01/01/2014					
Tăng trong kỳ	-	1.097.784.240			1.097.784.240
Tại ngày 31/12/2014		1.097.784.240			1.097.784.240
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014					
Tại ngày 31/12/2014		31.835.742.908			31.835.742.908

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 144.712 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng.

Tại ngày này, một số tài sản cố định của công ty với giá trị còn lại là 156.423 triệu VND được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết VND	VND
Bệnh viện Đk Phú Thọ(1)	7.000.000.000	7.000.000.000
TT trị liệu bệnh viện C(2)	6.278.860.000	6.278.860.000
Đầu tư vốn dài hạn vào cty con (3)	72.853.000.000	72.853.000.000
Cộng	86.131.860.000	86.131.860.000

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính
Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

(1) Theo hợp đồng liên kết đầu tư giữa Công ty và bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ ký ngày 10 tháng 9 năm 2007. Công ty đã góp 7 tỷ đồng tiền mặt để xây dựng trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao.

(2) Theo biên bản thỏa thuận giữa các nhà đầu tư trung tâm trị liệu ung thư bệnh viện C Thái Nguyên, Công ty Việt Nhật đầu tư vào trung tâm trị liệu ung thư với tổng trị giá là 301.000\$.

(3) Trong năm 2013, JVC đã phát hành 4.070.000 cổ phiếu cho các cổ đông của công ty CP Kyoto Medical Science(Viết tắt KMSC) để mua lại toàn bộ 5.500.000 cổ phiếu của KMSC

8. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn	411.305.850.170	347.330.048.445
Vay dài hạn đến hạn trả	33.068.462.466	21.120.000.000
Cộng	444.374.312.636	368.450.048.445
Trong đó:		
Ngân hàng 1	195.070.976.616	262.084.572.846
Ngân hàng 2	40.554.827.246	30.242.020.136
Ngân hàng 3		3.732.000.000
Ngân hàng 4	36.875.020.000	34.259.000.000
Ngân hàng 5	6.198.418.448	17.012.455.463
Ngân hàng 6	33.058.138.860	
Ngân hàng 7	99.548.469.000	
Cộng	411.305.850.170	347.330.048.445

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị y tế với giá trị còn lại là 79.625 triệu VNĐ và hàng hóa có giá trị ghi sổ là 174.267 triệu VNĐ.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	13.866.958.767	-
Thuế xuất, nhập khẩu		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.362.144.494	69.959.618.641
Thuế thu nhập cá nhân	801.263.222	66.050.439
Thuế khác		
Cộng	104.030.366.483	70.025.669.080

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thủ lao phải trả HĐQT và BKS	2.306.666.667	666.000.000
Phải trả về cổ phần hóa		
Bảo hiểm xã hội	997.124.395	229.012.800
Bảo hiểm y tế	175.346.820	43.166.250
Bảo hiểm thất nghiệp	76.660.760	19.084.400
Phải trả, phải nộp khác	31.421.562.777	24.746.167.231
Cộng	34.977.361.419	25.703.430.681

11. Vay và nợ dài hạn

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Vay dài hạn	73.126.462.466	54.243.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(33.068.462.466)	(21.120.000.000)
Nợ dài hạn người bán	84.396.918.300	32.565.027.750
Nợ cho thuê tài chính	45.334.555.988	
Cộng	169.789.474.288	65.688.027.750

Trong đó vay dài hạn

Ngân hàng 1	36.058.000.000	33.123.000.000
Ngân hàng 2	3.750.000.000	
Cộng	40.058.000.000	33.123.000.000

Trong đó nợ tài chính

Công ty CTTC 1	18.714.519.624	
Công ty CTTC 2	26.620.036.364	
Cộng	45.334.555.988	

Trong đó nợ dài hạn: là các khoản nợ của nhà cung cấp nước ngoài

Khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 76.797 triệu VNĐ

12. Biến động vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
--------------------	-----------------------------------	------------------------------------	---------------------------------------	-------------

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 01/01/2013	354.199.990.000	71.594.546.000	8.623.423.070	263.026.331.657	697.444.290.727
Tăng trong kỳ	99.216.700.000	48.941.502.850			148.117.502.850
Phát hành mua cty con	40.700.000.000	32.153.000.000			72.853.000.000
Lợi nhuận trong kỳ				39.743.098.687	39.743.098.687
Phân bổ cho các quỹ			8.503.804.863	(8.503.804.863)	
Cổ tức	74.109.310.000			(74.109.310.000)	
Các biến động khác				(8.639.322.814)	(8.639.322.814)
Tại ngày 31/12/2013	568.185.300.000	152.689.048.850	17.127.227.933	211.516.992.667	949.518.569.450
Tại ngày 01/01/2014	568.185.300.000	152.689.048.850	17.127.227.933	211.516.992.667	949.518.569.450
Tăng trong kỳ	219.425.380.000	109.431.590.000			328.856.970.000
Lợi nhuận trong kỳ				155.463.931.165	155.463.931.165
Phân bổ cho các quỹ			2.084.007.319	(2.084.007.319)	
Cổ tức bằng cổ phiếu	56.815.650.000			(56.815.650.000)	
Cổ tức bằng TM				(28.409.265.000)	(28.409.265.000)
Các biến động khác					
Tại ngày 31/12/2014	844.426.330.000	262.120.638.850	19.211.235.252	279.672.001.513	1.405.430.205.615

13. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Vốn cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	62.500.095	56.818.530
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	62.500.095	56.818.530
Cộng	62.500.095	56.818.530

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

14. Các quỹ của doanh nghiệp

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.211.235.252	17.127.227.933
Cộng	19.211.235.252	17.127.227.933

Theo điều lệ Công ty quy định trích lập 5% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển sau khi lấy ý kiến từ Đại hội đồng cổ đông.

15. Cổ tức

Tại Đại hội Đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức với tổng số tiền là 85.227.795.000 đồng, tương ứng 15% mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành, trong đó 5% mệnh giá được trả bằng tiền mặt và 10% mệnh giá được trả bằng cổ phiếu.

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

Mẫu B 09 -DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Doanh thu**

	Cho giai đoạn từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND
Bán hàng	225.249.726.313	202.698.719.180
Liên kết thiết bị y tế	26.606.801.404	23.395.010.580
Khác	19.705.560.893	9.011.470.616
Cộng	271.562.088.610	235.105.200.376

2. Giá vốn

	Cho giai đoạn từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND
Bán hàng	152.008.535.636	157.433.790.200
Liên kết thiết bị y tế	13.450.261.697	14.508.767.194
Khác	1.148.136.516	915.868.175
Cộng	166.606.933.849	172.858.425.569

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi tiền gửi	185.521.112	10.242.750
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		2.106.492
Lãi hoạt động đầu tư		950.400.640
Cộng	185.521.112	962.749.882

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	11.377.941.491	10.399.976.430
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		637.033.422

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MẤU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.585.554.164	-
Cộng	12.963.495.655	11.037.009.851

5. Thu nhập khác

	Cho giai đoạn từ 01/10/2014 đến 31/10/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND
Thanh lý tài sản cố định	5.475.825.000	
Thu Nhập khác	7.875.706	632.249.664
Cộng	5.483.700.706	632.249.664

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Cho giai đoạn từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.050.664.005	26.125.538.154
Thuế tính theo thuế suất Công ty	18.051.146.081	6.531.384.539
Thu nhập không bị tính thuế		
Chi phí không được khấu trừ thuế	48.365.673	4.437.403.825
Thuế thu nhập hoãn lại		
Cộng	18.099.511.754	10.968.788.364

VIII- Những thông tin khác**1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:**

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán chưa có sự kiện nào quan trọng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2- Giao dịch với các bên liên quan

Với Công ty TNHH Kyoto Medical Science là công ty con của Công ty từ ngày 02 tháng 05 năm 2013.

Trong kỳ hoạt động, Cty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Cho giai đoạn từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.822.959.592	36.466.283.310

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mua hàng của KMSC	50.188.446.667	7.675.931.818
-------------------	----------------	---------------

Số dư với bên liên quan:

Phải thu KMSC	29.822.959.592	14.843.145.892
Phải trả cho KMSC	(24.098.878.520)	(20.623.934.491)



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2015

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Duyên

Người lập biểu